TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-PT
Ngày 12-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 296/2022/QĐ-PT ngày 08/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 414/2022/QĐ-PT ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị A, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp X, xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị AT, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp Cỏ Trách, xã TA, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Tiến N, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố 4, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022 tại Văn phòng công chứng V).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị AT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, ngày 21/6/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị A trình bày:

Do quan hệ quen biết nên bà A có cho bà Nguyễn Thị AT vay tiền và tham gia hụi do bà A làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 31/7/2019, bà A cho bà AT vay 22.000.000 đồng.

- Tiền hụi: Bà A cho bà AT tham gia rất nhiều dây hụi do bà A làm chủ hụi gồm: hụi tuần, hụi tháng, hụi 10 ngày. Các dây hụi này, bà AT đều đã hốt và đã kết thúc nhưng bà AT không đóng tiền hụi chết cho bà A. Đến ngày 18/4/2021, bà A và bà AT tính tổng số tiền vay và tiền hụi bà AT còn nợ và bà AT có làm cho bà A giấy mượn tiền ngày 18/4/2021 mượn của bà A số tiền 100.000.000 đồng. Bà AT hẹn 01 tháng sau sẽ thanh toán hết tiền cho bà A nhưng đến nay bà AT vẫn không thanh toán được khoản tiền nào.

- Ngoài ra, bà AT còn tham gia 03 dây hụi của bà A nhưng không đóng tiền đầy đủ, cụ thể:

Dây hụi 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/4/2020, có 17 phần, bà AT tham gia 02 phần, bà AT đã hốt hụi vào ngày 30/4/2020 và ngày 30/5/2020. Sau khi hốt hụi, bà AT không đóng tiền hụi chết cho bà A. Tổng cộng tiền hụi chết mà bà AT phải đóng cho bà A là 30.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi 500.000 đồng/10 ngày mở ngày 15/7/2020, có 26 phần, bà AT tham gia 02 phần, bà AT đã hốt hụi vào ngày 15/7/2020 và ngày 15/8/2020. Sau khi hốt hụi phần thứ hai, bà AT không đóng tiền hụi chết cho bà A. Tổng cộng tiền hụi chết mà bà AT phải đóng cho bà A là 21.000.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/7/2020, có 21 phần, bà AT tham gia 01 phần và hốt hụi vào ngày 25/9/2020. Sau khi hốt hụi, bà AT không đóng tiền hụi chết cho bà A. Tổng cộng tiền hụi chết mà bà AT phải đóng cho bà A là 19.000.000 đồng.

Tổng cộng bà AT nợ tiền hụi của bà A là 70.000.000 đồng. Bà AT đã thanh toán 26.000.000 đồng cho bà A. Hiện bà AT còn nợ bà A số tiền 44.000.000 đồng.

Nay bà A yêu cầu bà AT thanh toán 157.000.000 đồng (trong đó, tiền vay 100.000.000 đồng, tiền hụi 44.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18/5/2021 đến khi xét xử của số tiền vay 100.000.000 đồng là 13.000.000 đồng). Ngoài ra bà A không có ý kiến nào khác.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị AT trình bày:

Bà AT có tham gia chơi hụi do bà A làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

Thống nhất trình bày của bà A về tham gia 03 dây hụi do bà AT làm chủ hụi, về thời gian tham gia, thời gian hốt hụi. Sau khi hốt hụi, bà AT có đóng hụi hàng tháng cho bà A. Tuy nhiên, số tiền hụi bà AT còn nợ bà A cụ thể bao

nhiêu thì bà AT không rõ. Ngoài ra bà AT có mượn của bà A số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 18/4/2021 bà AT và bà A có chốt lại số tiền bà AT nợ của bà A tổng cộng là 100.000.000 đồng và bà AT trả dần hàng tháng là 4.000.000 đồng. Bà AT đã trả cho bà A được 26.000.000 đồng.

Bà AT không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà AT chỉ đồng ý thanh toán số tiền 74.000.000 đồng và xin trả 4.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà AT không có ý kiến nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền hụi" của bà Phan Thị A đối với bà Nguyễn Thị AT.

Buộc bà Nguyễn Thị AT có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị A số tiền 157.000.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà AT không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà AT còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2022 bị đơn Nguyễn Thị AT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

Ngày 17/5/2022, nguyên đơn bà A nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà AT thanh toán nợ vay số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/4/2021. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 239/TB-TLVA ngày 25/5/2022. Ngày 21/6/2022, bà A tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà AT trả nợ hụi số tiền 44.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 282/TB-TLVA ngày 08/7/2022. Đến ngày 15/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định số 04/2022/QĐ-NVA nhập hai vụ án nêu trên thành một vụ án là đúng quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 18/8/2022. Cùng ngày, Tòa án đã tống đạt thông báo nêu trên cho nguyên đơn, bị đơn và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tổ chức hòa giải. Ngày 18/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp này nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp mà chưa hỏi ý kiến của nguyên đơn có đồng ý tiến hành phiên họp không và chưa xem xét việc tiến hành phiên họp có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bị đơn hay không là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 19/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 239/TB-TA, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng hồ sơ vụ án không có văn bản tống đạt thông báo này cho bị đơn là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 26/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2022, nhưng hồ sơ vụ án không có văn bản tống đạt quyết định này và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho đương sự là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

Trong tranh chấp về hụi, bà A cung cấp cho Tòa án 03 giấy giao hụi ngày 30/4/2020, ngày 15/7/2020, ngày 25/9/2020 (tất cả là bản pho to, chưa được đối chiếu với bản chính), Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có ký tên trong ba giấy giao hụi nêu trên, thống nhất số tiền ghi trong giấy, nên Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn bà AT thanh toán tiền vay 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/4/2021 và tiền nợ hụi 44.000.000 đồng theo giấy giao hụi ngày 30/4/2020, ngày 15/7/2020, ngày 25/9/2020. Bị đơn bà AT thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong các giấy trên của bà AT ký và viết. Tuy nhiên, bị đơn bà AT cho rằng chỉ nợ số tiền 100.000.000 đồng, trong đó gồm có tiền hụi của các dây hụi mở ngày 30/4/2020, 15/7/2020, 25/7/2020 và tiền vay 20.000.000 đồng, bà AT đã trả được 26.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà A 74.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị

đơn đã trả được 26.000.000 đồng. Đây là các tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày trong số tiền 100.000.000 đồng của giấy mượn tiền ngày 18/4/2021 có 20.000.000 đồng là tiền vay, 80.000.000 đồng là tiền nợ hụi, nhưng không phải là số tiền nợ của 03 giấy giao hụi ngày ngày 30/4/2020, ngày 15/7/2020, ngày 25/9/2020, mà là tiền nợ của các dây hụi khác và xác định không thể cung cấp được chứng cứ chứng minh là tiền nợ của các dây hụi khác.

Xét, theo nội dung các giấy giao tiền, cụ thể: giấy giao hụi ngày 30/4/20200, bà AT có hốt hụi phần hụi 2.000.000 đồng/tháng/lần, còn đóng lại 15 tháng là 30.000.000 đồng; giấy giao hụi ngày 15/7/2020, bà AT có hốt hụi phần hụi 500.000 đồng/10 ngày/lần, còn đóng lại 21 phần là 21.000.000 đồng; giấy giao hụi ngày 25/9/2020, bà AT có hốt hụi phần hụi 1.000.000 đồng, còn đóng lại 19.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Như vậy, các giấy giao hụi này chỉ thể hiện bà AT có hốt hụi, số tiền hụi còn phải đóng cho bà A, không phải là giấy nợ tiền hụi, không có thời hạn thanh toán nợ hụi. Đến ngày 18/4/2021, hai bên lập giấy mượn tiền và bà A không chứng minh được khoản nợ 80.000.000 đồng trong giấy này là khoản tiền nợ hụi khác. Do đó, có cơ sở xác định khoản tiền nợ hụi như bị đơn trình bày trong giấy mượn tiền này với các giấy giao hụi là cùng một khoản tiền. Sau khi lập giấy mượn tiền, bà AT đã trả cho bà A 26.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ lại 74.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: giấy mượn tiền có thỏa thuận thời hạn trả 01 tháng là ngày 18/5/2021, không có thỏa thuận về lãi suất. Bị đơn trình bày có đóng tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không nhớ thời gian đóng, số tiền đã đóng, không có giấy tờ chứng minh; nguyên đơn trình bày bị đơn không đóng được khoản tiền lãi nào, không thừa nhận trình bày của bị đơn, chỉ thừa nhận sau khi lập giấy mượn tiền thì bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 26.000.000 đồng (ngày 20/12/2021: 10.000.000 đồng; ngày 22/01/2022: 4.000.000 đồng; ngày 22/02/2022: 4.000.000 đồng; ngày 23/3/2022: 4.000.000 đồng; ngày 23/4/2022: 4.000.000 đồng). Do đó, trình bày của bị đơn là không có cơ sở xem xét. Theo thỏa thuận giữa hai bên thì ngày 18/5/2021, bị đơn phải thanh toán hết số nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay bị đơn chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất ngân hàng, tính từ ngày 18/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.000.000 đồng. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nhưng đến ngày 20/12/2021 thanh toán 10.000.000 đồng; ngày 22/01/2022 thanh toán 4.000.000 đồng; ngày 22/02/2022 thanh toán 4.000.000 đồng; ngày 23/3/2022 thanh toán 4.000.000 đồng; ngày 23/4/2022 thanh toán 4.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi với mức 0,83%/tháng là phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, tiền lãi sẽ được tính như sau:

Từ ngày 19/5/2021 đến ngày 20/12/2021: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 01 ngày = 5.837.666 đồng;

Từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/01/2022: 90.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng 01 ngày = 771.900 đồng;

Từ ngày 22/01/2022 đến ngày 21/02/2022: 86.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng = 713.800 đồng;

Từ ngày 22/02/2022 đến ngày 23/3/2022: 82.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng = 680.600 đồng;

Từ ngày 24/3/2022 đến ngày 22/4/2022: 78.000.000 đồng x 01%/tháng x 01 tháng = 668.980 đồng;

Từ ngày 23/4/2022 đến ngày đến này 12/01/2023: 74.000.000 đồng x 01%/tháng x 08 tháng 20 ngày = 5.323.066 đồng;

Tổng cộng: 13.996.012 đồng.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của đương sự nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, đồng thời bị đơn chỉ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về số tiền còn nợ lại. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 74.000.000 đồng và tiền lãi suất 13.996.012 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: người kháng cáo được miễn nộp (do là người cao tuổi có đơn xin miễn, giảm án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị AT.

1.1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Bình Dương, như sau:

1.1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị AT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị AT có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị A số tiền 74.000.000 đồng, tiền lãi suất 13.996.012 đồng, tổng cộng 87.996.012 đồng (tám mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn không trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị A, bà Nguyễn Thị AT được miễn nộp án phí.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị AT được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện DT;
- TAND huyện DT;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng